

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

DỰ THẢO 2

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng .... năm 2023 và thay thế Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 ban hành Quy chế ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT,....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH**

**Đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm  
cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật  
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

*(Kèm theo Quyết định số .../2023/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2. Nguyên tắc rà soát, hệ thống hóa văn bản**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 138 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Về nguyên tắc phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện trên nguyên tắc kịp thời, hiệu quả, bảo đảm tính khách quan, chặt chẽ, đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

**Chương II  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Thủ trưởng các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản.

#### **Điều 4. Cơ quan đầu mối chủ trì trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

##### 1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

a) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

b) Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hằng năm và định kỳ hệ thống hóa văn bản.

c) Thực hiện đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình.

##### 2. Công chức Tư pháp - Hộ tịch

a) Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các công chức khác có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

b) Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hằng năm và định kỳ hệ thống hóa văn bản.

#### **Điều 5. Quan hệ phối hợp thực hiện rà soát văn bản**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại **khoản 2 Điều 3 Quy** định này có trách nhiệm phân công người rà soát văn bản ngay sau khi văn bản là căn cứ để rà soát được thông qua hoặc ký ban hành hoặc ngay khi tình hình kinh tế - xã hội có sự thay đổi có thể làm cho nội dung của văn bản không còn phù hợp thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan, đơn vị mình.

2. Người rà soát văn bản thực hiện rà soát văn bản theo trình tự rà soát văn bản, lập phiếu rà soát văn bản, lập hồ sơ rà soát văn bản theo quy định tại Điều 149, Điều 150, Điều 151, Điều 152 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 32 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

### 3. Lấy ý kiến và hoàn thiện hồ sơ rà soát văn bản

a) Sau khi có kết quả rà soát văn bản, các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), lấy ý kiến của Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) về kết quả rà soát văn bản.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí hoặc ý kiến khác.

b) Các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp mình xem xét, quyết định xử lý;

Trường hợp quyết định xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân thì Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân theo quy định.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định xử lý hoặc phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân theo quy định.

d) Các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát văn bản có trách nhiệm gửi kết quả rà soát văn bản cho Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) để theo dõi.

### 4. Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

a) Định kỳ hằng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định tại Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

b) Thủ trưởng các cơ quan được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này có trách nhiệm gửi báo cáo và danh mục các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan mình về Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) chậm nhất là ngày 10 tháng 01 hằng năm để tổng hợp.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ký ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thì quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi đến Bộ Tư pháp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tư pháp để theo dõi.

### **Điều 6. Phối hợp rà soát văn bản do kiến nghị**

1. Các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 3 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét kiến nghị của cơ quan, tổ chức và công dân gửi đến.

2. Trường hợp nội dung kiến nghị rà soát văn bản thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan, đơn vị mình thì thực hiện rà soát văn bản theo quy định;

3. Trường hợp nội dung kiến nghị rà soát văn bản không thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan, đơn vị mình thì chuyển kiến nghị đó đến cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức và công dân đã kiến nghị rà soát văn bản.

### **Điều 7. Quan hệ phối hợp thực hiện hệ thống hóa văn bản**

1. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này thực hiện hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp theo trình tự hệ thống hóa văn bản và gửi kết quả cho Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) để tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện hệ thống hóa văn bản theo trình tự hệ thống hóa văn bản và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân công bố kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

4. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

a) Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

### **Điều 8. Chế độ báo cáo hằng năm về rà soát văn bản**

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

a) Báo cáo hằng năm về công tác rà soát văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi đến Bộ Tư pháp.

b) Báo cáo hằng năm về công tác rà soát văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu báo cáo hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê.

3. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Điều kiện đảm bảo cho công tác xây dựng và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

## 1. Về nguồn nhân lực

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm bố trí, phân công công chức có đủ năng lực, trình độ tham mưu thực hiện công tác xây dựng và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành quản lý;

b) Hằng năm, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

Các quy định khác liên quan đến việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Quy chế này thì áp dụng Luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tiếp nhận dự thảo đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh do các cơ quan, đơn vị gửi đến, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến theo quy định.

3. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.